TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 09**/2019/DS - ST.
Ngày: 27/02/2019.
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Thanh Thủy.

2. Bà Lưu Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diển– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST - DS, ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST- DS, ngày 29 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS, ngày 18/02/2019, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B; Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Các bị đơn: 1/. Ông Tôn Chung Q

2/. Bà Lý Thị C

Cùng địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019, biên bản hòa giải ngày 25/01/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào ngày 23/03/2018 âl, vợ chồng ông Q và bà C có vay của bà B 25.000.000 đồng vốn, lãi hàng tháng là 1.000.000 đồng, thời gian vay là 03 tháng, vợ chồng ông Q và bà C có làm giấy vay tiền cho bà B. Sau khi vay, vợ chồng ông Q và bà C đã trả cho bà B

được 2.000.000 đồng lãi và 2.000.000 đồng vốn, số còn lại không có trả vốn và lãi cho bà B đến nay.

Nay bà B yêu cầu vợ chồng ông Q và bà C hoàn trả 23.000.000 đồng vốn, không yêu cầu tính lãi và trả trong thời gian ngắn.

***** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 25/01/2019, bị đơn ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C cùng trình bày: Ông bà thừa nhận vào thời gian trên có vay của bà B 25.000.000 đồng, lãi suất, thời gian vay, số tiền lãi đã đóng và đã trả vốn cho bà B như bà B trình bày và hiện nay vợ chồng ông Q và bà C còn nợ bà B 23.000.000 đồng vốn.

Nay ông Q và bà C đồng ý trả cho bà B 23.000.000 đồng vốn và xin trả hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C vắng mặt; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 470 BLDS; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C.

[2] Giữa bà Nguyễn Thị B với vợ chồng ông Tôn Chung Q, bà Lý Thị C có thỏa thuận vay tài sản và có lập thành văn bản, sau đó phát sinh tranh chấp, do bà B với vợ chồng ông Q cùng cư trú trên địa bàn huyện K, nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nêu trên là

đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện này là giấy vay tiền. Hội đồng xét xử xét thấy việc cho vay này đã được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận 25.000.000 đồng của vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý thị C. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo cho vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý thị C, vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý thị C không có ý kiến việc vay tiền của bà B. Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 25/01/2019 vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý thị C thừa nhận hiện nay còn nợ bà B 23.000.000 đồng vốn (đã trả trước 2.000.000 đồng) và xin trả số tiền trên hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, nên các văn bản này có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Như vậy có căn cứ để xác định vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý thị C còn nợ bà B 23.000.000 đồng vốn, yêu cầu khởi kiện của bà B là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với số tiền lãi đã đóng trước thì hai bên không yêu cầu tính lại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà trả cho bà B hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C không được bà B đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Bà B không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B. Buộc vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C liên đới hoàn trả cho bà B 23.000.000 đồng.

[8] Do yêu cầu của bà B được chấp nhận toàn bộ, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Q và bà C phải liên đới chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là 1.150.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Xử buộc vợ chồng ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B 23.000.000 đ (Hai mươi ba triệu đồng) tiền vốn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Q và bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C liên đới chịu 1.150.000 đồng;

2.2. Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 575.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006420, ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn ông Tôn Chung Q và bà Lý Thị C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng